Các dạng toán tỉ số phần trăm lớp 5

1. Dạng 1: Các phép tính với tỉ số phần trăm

Phương pháp: Để giải các bài toán về cộng, trừ, nhân, chia tỉ số phần trăm, ta thực hiện như đối với các số tự nhiên rồi viết thêm ký hiệu phần trăm (%) vào bên phải kết quả tìm được.

Ví dụ: Tính:

a) 46% + 27% b) 542% - 104% c) 3,5% x 6 d) 4,2% : 0,7

e) 12% + 119% g) 56% - 11,2% h) 2,5 x 15% i) 90% : 1,5

Lời giải:

a) 46% + 27% = 73% b) 542% - 104% = 438%

c) 3,5% x 6 = 21% d) 4,2% : 0,7

e) 12% + 119% = 131% g) 56% - 11,2% = 44,8%

h) 2,5 x 15% = 37,5% i) 90% : 1,5 = 60%

2. Dạng 2: Tìm tỉ số phần trăm giữa hai số

Phương pháp: Để tìm tỉ số phần trăm của số A so với số B ta chia số A cho số B rồi nhân với 100.

Công thức:

A : B x 100 = D%

Trong đó A là số được nhắc trước

B là số được nhắc sau

D là tỉ số phần trăm.

Ví dụ: Khối lớp 5 của một trường tiểu học có 200 học sinh, trong đó có 120 học sinh nữ.

a) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nữ với số học sinh khối 5.

b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nam với số học sinh khối 5.

Lời giải:

Số học sinh nam của khối lớp 5 là:

200 – 120 = 80 (học sinh)

a) Tỉ số phần trăm của số học sinh nữ với số học sinh khối 5 là:

120 : 200 x 100 = 60%

b) Tỉ số phần trăm của số học sinh nam với số học sinh khối 5 là:

80 : 200 x 100 = 40%

Đáp số: a) 60%; b) 40%

3. Dạng 3: Tìm giá trị phần trăm của một số

Phương pháp: Muốn tìm giá trị phần trăm của một số ta lấy số đó chia cho 100 rồi nhân với số phần trăm hoặc lấy số đó nhân với số phần trăm rồi chia cho 100.

Ví dụ: Lớp 5A có 40 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 65%. Hỏi số học sinh nữ của lớp là bao nhiêu học sinh?

Hướng dẫn:

Có thể hiểu 100% số học sinh của lớp 5A là toàn bộ học sinh của lớp 5A, ở đây 100% số học sinh của lớp 5A là 40 học sinh.

Lời giải:

Số học sinh nữ của lớp 5A là:

40 x 65 : 100 = 26 (học sinh)

Đáp số: 26 học sinh

4. Dạng 4: Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó

Phương pháp: Muốn tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó ta lấy giá trị đó chia cho số phần trăm rồi nhân với 100 hoặc lấy giá trị đó nhân với 100 rồi chia cho số phần trăm.

Ví dụ: Trong sữa có 4,5% bơ. Tính lượng sữa trong một chai, biết rằng lượng bơ trong chai sữa này là 18g.

Lời giải:

Lượng sữa có trong chai là:

18 : 4,5 x 100 = 400 (g)

Đáp số: 400g.

5. Dạng 5: Bài toán liên quan đến mua bán

Phương pháp giải:

Giá bán = giá vốn + lãi suất

Giá vốn = giá bán – lãi suất

Lãi suất = giá bán – giá vốn

Giá bán = giá vốn – lỗ

Ví dụ 1: Một chiếc xe đạp giá 1 800 000 đồng, nay hạ giá 17%. Hỏi giá chiếc xe đạp bây giờ là bao nhiêu?

Lời giải:

Coi giá của chiếc xe đạp ban đầu là 100%, sau khi giảm giá còn:

100% - 17% = 83%

Giá của chiếc xe đạp là:

1800000 x 83 : 100 = 1494000 (đồng)

Đáp số: 1 494 000 đồng

Ví dụ 2: Lãi suất tiết kiệm có kì hạng 1 tháng là 0,65% (sau mỗi tháng sẽ tính gộp tiền lãi vào gốc để tính lãi tiếp). Cô Lan gửi tiết kiệm 12 000 000 đồng. Hỏi sau 2 tháng cô Lan có tất cả bao nhiêu tiền cả gốc và lãi?

Lời giải:

Số tiền lãi tháng đầu tiên cô Lan có là:

12000000 x 0,65 : 100 = 78000 (đồng)

Số tiền cả gốc và lãi sau một tháng cô Lan có được là:

12000000 + 78000 = 12078000 (đồng)

Số tiền lãi tháng thứ hai cô Lan có là:

12078000 x 0,65 : 100 = 78507 (đồng)

Số tiền cả gốc và lãi sau hai tháng cô Lan có được là:

12078000 + 78507 = 12156507 (đồng)

Đáp số: 12 156 507 đồng.